

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CĐ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25-7- 2023

“V/v Tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CĐ, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Kim Quyên

2. Bà Phạm Ngọc Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 187/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Thanh T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: số 9B, phường H T, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh,
(có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Ngô Văn H, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện CĐ, tỉnh Long An, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/3/2023 và bản tự khai ngày 13/6/2023 của nguyên đơn chị Trịnh Thị Thanh T trình bày: Chị T và anh Ngô Văn H cưới nhau vào năm 2013, hôn nhân do tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/5/2014 tại phường HT, quận T P, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cưới, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do anh H không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc, chị T có khuyên anh H rất nhiều lần nhưng anh H vẫn không sửa đổi, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu ly hôn với anh H.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung là Ngô Trịnh Khánh L, sinh ngày 09/12/2014 hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi con chung vì con chung có nguyện vọng sống với mẹ và không yêu cầu anh H cấp dưỡng

nuôi con.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc nên chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn anh Ngô Văn H, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng anh H không nộp văn bản nêu ý kiến cũng như không đến Tòa án tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Trịnh Thị Thanh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Ngô Văn H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh H không đến tham gia phiên tòa. Căn cứ Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt chị T và anh H.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Chị Trịnh Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Ngô Văn H là quan hệ tranh chấp ly hôn và nuôi con chung. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị Thanh T và anh Ngô Văn H cưới nhau vào năm 2013, hôn nhân do tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/5/2014 tại phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của chị T, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh H không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Chị T nhận thấy không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu được ly hôn với anh H. Đối với anh H, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H vẫn không nộp cho Tòa án bất cứ văn bản nào trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị T và anh H cũng không đến Tòa án để giải quyết cho thấy anh H không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh H.

[3.2] Về nuôi con chung: Chị T trình bày giữa bà T và anh H có 01 con chung là Ngô Trịnh Khánh L, sinh ngày 09/12/2014 hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi con chung và cháu L cũng có nguyện vọng sống với mẹ nên việc chị T yêu cầu nuôi con chung là có căn cứ chấp nhận.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[3.4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày giữa chị T và anh H không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[4] Về quyền, thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 266, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Trịnh Thị Thanh T với bị đơn anh Ngô Văn H.

1. Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị Thanh T được ly hôn với anh Ngô Văn H.

2. Về nuôi con chung: Chị T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Ngô Trịnh Khánh L, sinh ngày 09/12/2014 hiện đang sống với chị T, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005306 ngày 19/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CĐ, chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện CĐ;
- Chi cục THADS huyện CĐ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Út